TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 477/2017/HS-PT
Ngày 11 - 9 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Bà Phạm Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 146/2017/HSPT ngày 07 tháng 4 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thành L về tội "Tham ô tài sản" do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2017/HSST ngày 24/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Thành L, sinh ngày 14/12/1968; Nơi đăng ký HKTT: Khu tập thể Công ty ĐT; Chỗ ở: Tổ X, ấp B, xã B1, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nguyên Chỉ huy trưởng Công ty công trình giao thông, nguyên đội trưởng Đội xây dựng cơ bản đường 1, thuộc Công ty ĐT; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Huy Đ và bà Vũ Thị T1; Bị cáo có vợ và hai con (lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2002); Tiền án, tiền sự: không; Tạm giam từ ngày 09/9/2011, được thay đổi biện pháp ngăn chặn ngày 16/11/2011; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Nguyên đơn dân sự*: Công ty ĐT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Thanh S; chức vụ: Tổng giám đốc Công ty ĐT (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Huỳnh Công S1 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T2, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Đoàn Quang H1. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Tr, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ông Nguyễn Hữu Tr1 (có mặt).

Địa chỉ: Địa chỉ: đường C1, ấp T3, xã T4, huyện L1, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông Huỳnh Công C2 (chết).

5. Ông Phan Thanh Đ1 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X2, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6. Ông Dương Minh Nh (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ2, xã T5, thành phố S2, tỉnh Đồng Tháp.

7. Ông Nguyễn Minh Ch (có mặt).

Địa chỉ: đường L2, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

8. Ông Võ Văn Đ3 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã T2, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

9. Bà Võ Ngọc Thúy H2 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Ph, thị trấn Ch1, huyện Ph1, tỉnh An Giang.

Địa chỉ: đường B2, xã T6 B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10. Ông Hồ Thanh S (có mặt).

Địa chỉ: Quốc lộ B3, phường M, Thành phố C, Tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Phạm Văn D (có mặt).

Địa chỉ: khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: đường T7, thị trấn M1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp và bản án hình sự của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo Quyết định giám đốc thẩm số 17/2015/HS-GĐT ngày 30/10/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định: Hủy hai bản án: Bản án hình sự phúc thẩm số 251/2014/HSPT ngày 07/5/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2013/HSST ngày 22/8/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, phần về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thành L. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để điều tra lại theo thủ tục chung.

Qua kết quả điều tra lại bị cáo Nguyễn Thành L bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Công ty ĐT là Doanh nghiệp Nhà nước được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Đồng Tháp thành lập theo Quyết định số 04/QĐ.TL ngày 15/01/1993, đến ngày 21/05/2004 UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 90/QĐ-UBTL về việc chuyển đổi Công ty ĐT thành Công ty ĐT. Ông Phạm Văn D được bổ nhiệm làm giám đốc Công ty ĐT từ năm 1994 đến ngày 20/8/2004. Nguyễn Thành L là nhân viên biên chế, hưởng lương trực tiếp từ công ty.

Năm 2003, Công ty ĐT phân công Nguyễn Thành L làm chỉ huy trưởng công trình tuyến dân cư R, thuộc xã T8, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Để có đất san lấp công trình, Nguyễn Thành L quan hệ các hộ dân gần công trình để mua đất san lấp, khi thỏa thuận với các hộ dân L đưa giá mua đất mặt 9.000đ/m^2, nếu chuyển quyền sử dụng đất (bán đứt) thì mua với giá 14.000đ/m^2. Sau khi thỏa thuận các hộ dân không đồng ý bán đất mặt mà đồng ý bán với hình thức chuyển quyền sử dụng đất (bán đứt) giá từ 14.000đ/m^2 -15.000đ/m^2. Tại thời điểm này, L biết rõ công ty quy định chỉ mua đất mặt, khai thác xong trả đất (ao) lại cho bên bán nên để chiếm đoạt được diện tích đất ao mà không tốn tiền mua, L đã thực hiện hành vi gian dối trong việc báo cáo nâng giá với Ban giám đốc công ty là giá mua đất mặt của các hộ dân với giá từ 14.000đ/m^2 - 15.000đ/m^2. Qua bàn bạc Phạm Văn D thấy rằng giá dự toán công trình là 6.000đ/m^3 mà lấy sâu 3 mét là có lãi nên D thống nhất cho L tiến hành mua đất mặt để san lấp với giá từ l4.000đ/m^2 - 15.000đ/m^2. Đồng thời, D ký các Hợp đồng mua đất mặt số 49/Đ/HĐ và số 50/Đ/HĐ ngày 17/4/2003 mua đất mặt của:

+ Ông C2: diện tích 12.174,50m^2 x đơn giá 14.000đ/m^2 = 170.443.000đ.

+ Ông Đ1: diện tích 7.721,65m^2 x đơn giá 14.000đ/m^2 = 108.103.100đ.

Trong nội dung hợp đồng đều thể hiện sau khi khai thác lớp đất mặt xong trả đất ao lại cho ông C2 và Đ1.

Ngày 01/12/2003, Nguyễn Thành L đại diện Công ty ký hợp đồng mua đất mặt của ông Huỳnh Công S1:

+ Diện tích 11.319m^2 x đơn giá 15.000đ/m^2 = 169.785.000đ.

Trong nội dung hợp đồng cũng thể hiện sau khi khai thác lớp đất mặt xong trả đất ao lại cho ông Sơn.

Tổng giá trị 03 hợp đồng là: 448.331.100đ, L đã ứng tiền công ty giao cho bên bán.

Sau khi khai thác lớp đất mặt để san lấp công trình, Nguyễn Thành L đã lập hồ sơ chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất ao mà công ty đã mua sang tên mình. Những người bán đất do đã nhận đủ tiền theo thỏa thuận nên đều đồng ý ký tên vào hồ sơ chuyển nhượng do L lập sẵn. Cụ thể: ngày 22/5/2003 Nguyễn Thành L đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Công C2 và Phan Thành Đ1 sang cho Nguyễn Thành L đứng tên; Ngày 04/06/2003 L được

UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 211616 với tổng diện tích 19.440m^2; ngày 19/12/2003 Nguyễn Thành L lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Công S1. Đến ngày 31/12/2003, L được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 813485 với diện tích 11.319m^2.

Như vậy, bằng thủ đoạn gian dối trong việc nâng giá mua đất mặt, Nguyễn Thành L đã chiếm đoạt diện tích 30.759m^2 đất ao (đo đạc thực tế là 31.215,15m^2) của Công ty ĐT.

Tại Biên bản và Kết luận định giá tài sản số 46/HĐ.ĐGTS ngày 24/8/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận tại thời điểm năm 2003:

- Giá đất nông nghiệp (đất trồng lúa) theo quy định của UBND tỉnh là: 9.000đ/m^2; Giá thị trường chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 14.000đ/m^2 ; Đất nông nghiệp nhà nước thu hồi làm tuyến dân cư R đoạn thuộc xã T8 giá 14.000 đ/m^2.

- Tổng giá trị tài sản (đất ao diện tích 30.759m^2, sau khi lấy đất mặt): là 184.554.000đ.

Quá trình điều tra lại, Nguyễn Thành L khai: Trong quá trình khai thác đất, những hộ dân bán đất phát hiện Công ty chỉ ký hợp đồng mua đất mặt, sợ khi khai thác bị sạt lở đất kế bên phải bồi thường, họ đã gây cản trở nên Nguyễn Thành L phải chuyển nhượng đứng tên quyền sử dụng để công ty tiếp tục khai thác, vấn đề này cơ quan điều tra đã làm rõ là do L khai nại, người dân bán đất khẳng định không gây cản trở trong quá trình khai thác. L khai nhận đã sử dụng số tiền ứng và được quyết toán với công ty là 448.331.100đ để trả cho các hộ dân theo hợp đồng mua đất mặt. Bản thân L không trả thêm khoản tiền nào khác cho dân để đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vấn đề này Ông Phạm Văn D khẳng định L không báo người dân chỉ bán đất chuyển nhượng sang tên, nếu L báo người dân bán chuyển nhượng sang tên, ông D quyết định không mua mà nhờ chủ đầu tư, UBND Huyện đứng ra mua hoặc thu hồi của dân rồi bán lại cho công ty khai thác.

Ngoài ra, L cho rằng công ty mua đất chỉ lấy phần đất mặt, phần đất ao còn lại nhiều cá nhân trong công ty, như trường hợp của ông Dương Minh Nh, ông Nguyễn Minh Ch đã đứng tên quyền sử dụng đất, là đã có tiền lệ trong công ty, vấn đề này được cơ quan điều tra làm rõ:

- Đối với ông Dương Minh Nh: Năm 2002 khi Công ty ĐT thi công tuyến đường ĐT848 thuộc địa phận xã T5, thị xã S2, ông Võ Trọng B4 - nhân viên Đội cơ giới được phân công khảo sát, mua đất của dân để thi công, do người dân không bán đất mặt mà chỉ bán đứt (chuyển quyền sử dụng đất), nên báo cáo Ban giám đốc đồng ý cho mua và ông Phạm Văn D - giám đốc chỉ đạo để ông Nh đứng tên sở hữu dùm công ty do nhà của ông Nh gần thửa đất trên dễ quản lý. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Công ty ĐT quản lý cho đến nay.

Theo Phạm Văn D và những người liên quan trình bày: Sở dĩ Công ty phải nhờ ông Nh đứng tên dùm chủ quyền đất vì công ty dự tính sử dụng thửa đất này thành lập đoạn duy tu sửa chữa, nhưng giai đoạn này nhà nước không thừa nhận đất đai là giá trị tài sản của doanh nghiệp (nếu công ty đứng tên quyền sử dụng đất thì hàng năm phải đóng thuế nhưng khi nhà nước thu hồi thì không được bồi thường). Quá trình điều tra không chứng minh được ông Nh, ông D và những người liên quan có tư lợi trong việc mua đất này.

- Đối với ông Nguyễn Minh Ch: Năm 2002 Công ty ĐT thi công tuyến đường từ M2 - X3. Ông Nguyễn Minh Ch là chỉ huy trưởng công trình được giao khảo sát mua đất. Sau khi khảo sát báo về được ông D đồng ý cho mua đất mặt của hộ bà Phạm Thị Việt H3, ngụ xã M3, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, diện tích 10.000m^2 với tổng số tiền 160 triệu đồng, các thủ tục mua bán, thanh toán đầy đủ theo quy định. Trong quá trình khai thác đất thì bà H3 gặp nói với ông Ch dự định chuyển về Cần Thơ sinh sống với gia đình, không có điều kiện quản lý sử dụng phần đất ao còn lại nên cho ông Ch. Tuy nhiên, ông Ch sợ sau này gia đình bà H3 khiếu kiện đòi lại nên ông Ch đồng ý mua với giá 10 triệu đồng và được bà H3 làm thủ tục chuyển nhượng sang tên. Cơ quan điều tra đã Tr1ch lục hồ sơ tại Phòng tài nguyên môi trường huyện C phù hợp với lời khai của các đương sự.

* Về trách nhiệm của Phạm Văn D:

Công ty ĐT chủ trương mua đất mặt của dân để khai thác san lấp công trình, không nhận chuyển nhượng, chỉ riêng trường hợp công ty nhờ anh Dương Minh Nh đứng tên dùm, được mọi người trong công ty thừa nhận. Công ty không lập tổ giám sát việc mua đất, không quy định giá mua đất san lấp mà tùy theo thị trường giá đất tại khu vực và tuyến đường vận chuyển gần hay xa công trình, đồng thời căn cứ vào giá dự thầu của công ty với chủ đầu tư để quyết định giá mua đất làm sao có lợi nhất cho công ty. Trong việc mua đất để san lấp tuyến dân cư R đoạn thuộc xã T8, huyện T, Phạm Văn D đã chỉ đạo Nguyễn Thành L khảo sát mua đất mặt theo chủ trương của công ty. Sau khi khảo sát Nguyễn Thành L đã báo lại Ban giám đốc tại cuộc họp giao ban, giá mua đất mặt từ 14.000 đ/m^2- 15.000 đ/m^2.

Qua cuộc họp phân tích xét thấy có lợi giá, công ty dự thầu 6.000 đ/m^3, so với giá mua đất mặt từ 14.000 đ/m^2 - 15.000 đ/m^2 khai thác sâu 03m là có lợi, nên Phạm Văn D duyệt cho mua và L đã trình hợp đồng mua đất cho D ký, ứng tiền Công ty thanh toán cho dân. Việc L gian dối lợi dụng chủ trương của công ty chỉ mua đất mặt, không nhận chuyển nhượng để thỏa thuận mua đứt đất của dân sau đó chuyển cho cá nhân đứng tên sở hữu là trái với chủ trương của công ty, D hoàn toàn không biết nên không thể kiểm tra được. Hơn nữa, giá trị diện tích L chiếm đoạt đã được khắc phục hậu quả. Vào ngày 13/10/2011, Lê Thị Thanh V là vợ của Nguyễn Thành L đã nộp 170.000.000đ để khắc phục hậu quả cho L. Cơ quan điều tra đã chuyển số tiền trên cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp vào ngày 25/8/2014. Do vậy, chưa đủ căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với Phạm Văn D.

* Ngày 13/8/2012 Nguyễn Thành L đã chuyển nhượng toàn bộ phần đất chiếm đoạt với tổng diện tích 30.759m^2 cho ông Võ Văn Đ3 - Bí thư xã T9, huyện T giá 40.000đ/m^2, tổng thành tiền 1.230.360.000 đồng. Hình thức thanh toán: ông Đ3 đổi cho L diện tích đất ao 13.078m^2 tại xã T4, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, trả tiền mặt và cấn trừ nợ. Diện tích đất 13.078m^2 L đã nhờ Võ Ngọc Thuý H2 ngụ ấp Ph, thị trấn Ch1, huyện Ph1, tỉnh An Giang là cháu quen biết với L đứng tên dùm (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 533738 do UBND huyện T cấp ngày 29/11/2012) và đứng tên vay tiền dùm L 300.000.000đ tại Ngân hàng P chi nhánh Đồng Tháp, chưa tất toán.

Nguyễn Thành L đã kê khai chi phí đầu tư liên quan đến việc sở hữu, sử dụng phần đất ao trên. Gồm 6 khoản với tổng số tiền 1.216.334.630 đồng. Cụ thể:

(1) Chi phí quan hệ để khai thác và bảo vệ xe máy, cán bộ công nhân thi công công trình tuyến dân cư R: 30.000.000 đồng.

(2) Phần thuế khi nhận chuyển nhượng vào năm 2003 và chuyển nhượng lại vào năm 2012: 40.334.630 đồng.

(3) Chi phí sử dụng xe móc số 07 (xe của ông Lê Văn M4 - bố vợ L) sửa chữa bờ bao chống sạt lở: 120.000.000 đồng.

(4) Thuê ông Võ Văn Đ3 sửa chữa cải tạo đáy ao, đắp bờ bao 3 đợt với tổng số tiền: 750.000.000 đồng.

(5) Thuê vợ chồng anh Đ4 giữ ao từ năm 2005 đến 2009 (giá thuê mỗi tháng 03 triệu đồng): 180.000.000 đồng.

(6) Thuê anh Ba Đon giữ ao từ năm 2010 đến 8/2012 (giá thuê mỗi tháng 03 triệu đồng): 96.000.000 đồng.

Qua điều tra, xét thấy có căn cứ xác định khoản kê chi phí thứ (2), (4) là hợp lý, trực tiếp làm tăng giá trị đất ao trong việc sở hữu, sử dụng và có tài liệu cơ bản để chứng minh. Đối với các khoản kê còn lại không liên quan (1), không có tài liệu chứng minh (3) hoặc không làm tăng giá trị đất ao (5), (6) trong việc sở hữu, sử dụng.

Để đảm bảo thực hiện trách nhiệm dân sự của Nguyễn Thành L trong vụ án, Cơ quan điều tra đã có Văn bản số 137/PC46 ngày 24/11/2016 đề nghị Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T tạm dừng giao dịch đối với phần đất L nhờ Võ Ngọc Thúy H2 đứng tên dùm, đồng thời có Văn bản số 138/PC46 ngày 24/11/2016 đề nghị Ngân hàng P Chi nhánh Đồng Tháp yêu cầu phối hợp khi xử lý tài sản thế chấp đối với Võ Ngọc Thúy H2.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2017/HSST ngày 24/02/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành L phạm tội "Tham ô tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 278; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 09/09/2011 đến ngày 16/11/2011.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp còn quyết định về trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/3/2017, bị cáo Nguyễn Thành L có đơn kháng cáo với nội dung kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thành L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không phạm tội "Tham ô tài sản".

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Việc điều tra, truy tố, xét xử cấp sơ thẩm chưa đầy đủ, chưa có đủ căn cứ vững chắc để buộc tội đối với bị cáo. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc bị cáo Nguyễn Thành L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có gây thiệt hại cho công ty hay không. Cả công ty lẫn người bán đất đều không có nhu cầu sử dụng phần đất sau khi đã khai thác lớp mặt. Trong hồ sơ vụ án thể hiện có hai loại hợp đồng, một hợp đồng đất mặt do ông Phạm Văn D ký, một hợp đồng chuyển nhượng do bị cáo L ký, cần xác định công ty mua đất mặt hay mua quyền sử dụng đất, diện tích đất còn lại thuộc quyền sử dụng của công ty hay người dân. Hơn nữa, cấp sơ thẩm cũng không làm rõ vai trò của Giám đốc công ty lúc bấy giờ, có dấu hiệu của tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" hay không. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo kêu oan của bị cáo L, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành L làm trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2013/HSST ngày 22/8/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Bản án số 251/2014 ngày 07/5/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử Nguyễn Thành L có hành vi gian dối trong việc báo cáo Ban Giám đốc Công ty ĐT, nâng giá mua đất mặt của các hộ dân từ 9.000đ/m^2 lên 14.000đ/m^2 đến 15.000đ/m^2, chiếm đoạt của Công ty công trình giao thông số tiền 167.394.750 đồng. Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 17/2015/HS-GGĐT ngày 30/10/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hủy 02 bản án nêu trên.

Quá trình điều tra xét xử lại, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Thành L biết rõ công ty quy định chỉ mua đất mặt, khai thác xong đất mặt (ao) trả lại cho bên bán nên đã chiếm đoạt được diện tích đất ao mà không tốn tiền mua. L đã thực hiện hành vi gian dối trong việc báo cáo nâng giá bán với ban giám đốc mua giá đất mặt với các hộ dân với giá từ 14.000 đồng/m^2 - 15.000 đồng/m^2, và xác định L chiếm đoạt diện tích 30.759m^2 đất của Công ty ĐT với số tiền chênh lệch 184.554.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Nguyễn Thành L là chỉ huy trưởng công trình tuyến dân cư R thuộc Công ty ĐT. Công ty chỉ chủ trương mua đất mặt để san lấp công trình nhưng khi thỏa thuận, các hộ dân không đồng ý bán đất mặt mà chuyển nhượng luôn thì Nguyễn Thành L đã báo cáo Phạm Văn D và được D đồng ý mua đất mặt với giá 14.000 đồng/m^2 - 15.000 đồng/m^2. L đã mua 31.215,15m^2, thành tiền là 448.331.100 đồng (11.319m^2 x 15.000 đồng/m^2; số còn lại là 14.000 đồng/m^2). L đã ứng của Công ty số tiền trên và trả hết cho người dân. Tuy nhiên, sau đó L đã làm thủ tục chuyển nhượng toàn bộ số đất trên và đứng tên Nguyễn Thành L trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Quyết định giám đốc thẩm nhận định: *"Trước đó, do Công ty không có nhu cầu sử dụng đất nền sau khi khai thác đất mặt nên người trong Công ty như ông Dương Văn Nh, ông Nguyễn Minh Ch đã tự ý làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nền và đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, việc Nguyễn Thành L làm thủ tục chuyển nhượng toàn bộ số đất trên và đứng tên mình trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã có tiền lệ trong Công ty. Công ty chấp nhận mua đất với giá 14.000 đồng/m^2 đến 15.000đồng/m^2 với lý do người dân không bán riêng đất mặt và đã thi công xong công trình, không có yêu cầu sử dụng đất nền (đất ao). Vì vậy, việc Nguyễn Thành L đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng phần đất nền (đất ao) trên có gây thiệt hại cho Công ty hay không chưa được làm rõ".*

Kết quả điều tra lại xác định:

Hành vi của ông Dương Văn Nh tương tự như hành vi của Nguyễn Thành L nhưng ông Nh báo cáo lại Ban giám đốc, Phạm Văn D đồng ý để ông Nh mua, nhờ ông Nh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này Công ty đang quản lý.

Hành vi của ông Nguyễn Minh Tr1: ông Tr1 khảo sát mua đất, sau đó về báo cáo lại cho Phạm Văn D. Công ty đã tiến hành mua đất của bà Phạm Thị Việt H3 10.000 m^2 với giá 160 triệu đồng. Sau khi mua bán đất mặt xong, bà H3 đã cho ông Tr1 nhưng ông Tr1 đã mua lại với giá 10 triệu đồng.

Như vậy, việc ông Dương Văn Nh và Nguyễn Minh Tr1 đứng tên quyền sử dụng đất như lời khai của L là có thật. Việc Nguyễn Thành L làm thủ tục chuyển nhượng toàn bộ số đất trên và đứng tên mình trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã có tiền lệ trong Công ty. Quá trình xét xử tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm đại diện Công ty cho rằng không có thiệt hại khi L đứng tên trên Giấy

chứng nhận do Công ty cũng như người dân không có nhu cầu lấy đất ao (đất sau khi đã khai thác đất mặt). (BL 4896 - 4905)

Tòa án cấp sơ thẩm (Lần 1) xác định: giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất trừ giá mua đất mặt = 167.394.750 đồng và xác định số tiền này Nguyễn Thành L chiếm đoạt. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng bị cáo L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng phần diện tích này không báo cho Công ty biết nên vẫn phải chịu trách nhiệm về tội "Tham ô tài sản".

Tòa án cấp sơ thẩm (lần 2) cho rằng L biết rõ Công ty quy định chỉ mua đất mặt, khai thác xong trả đất (ao) lại cho bên bán nên đã chiếm đoạt được diện tích đất ao mà không tốn tiền mua, L đã thực hiện hành vi gian dối trong việc báo cáo nâng giá bán với ban giám đốc mà giá mua đất mặt của các hộ dân với giá từ 14.000 đồng/m^2 – 15.000 đồng/m^2, và xác định L chiếm đoạt diện tích đất 30.758 m^2 của Công ty ĐT (Tổng giá trị tài sản (đất ao 30.758 m^2 , sau khi lấy mặt bằng) là 184.554.000 đồng).

Tuy nhiên, tại Kết luận giám định tài sản số 46/HĐ.ĐGTS ngày 24/8/2016 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: tại thời điểm 2003 giá đất nông nghiệp (đất trồng lúa) theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh 9.000 đồng/m^2; giá thị trường chuyển nhượng là 14.000 đồng/m^2. Tổng giá trị tài sản (đất ao 30.758m^2 , sau khi lấy mặt bằng) là 184.554.000 đồng.

Như vậy, xét dấu hiệu chiếm đoạt về hành vi của Nguyễn Thành L nhận thấy: L nhận số tiền 448.331.100 đồng của Công ty, sau đó chuyển toàn bộ số tiền này trả cho 03 hộ dân đòi bán đất cho công ty. Do đó, L không được hưởng lợi trong số tiền này. Mặt khác, Công ty xác định việc mua đất (đất mặt) là có lãi và chỉ đồng ý mua đất mặt trong khi các hộ dân không bán đất mặt, chỉ đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giá thỏa thuận (giá Công ty đồng ý mua đất mặt bằng giá các hộ dân bán toàn bộ quyền sử dụng đất) và theo kết luận giám định thì giá mua đất theo giá thị trường là phù hợp. Như vậy, chưa có đủ căn cứ đánh giá L chiếm đoạt (tiền hoặc đất) của người dân hay chiếm đoạt của Công ty, nên việc xác định Nguyễn Thành L chiếm đoạt số tiền chênh lệch giữa giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá mua đất mặt hay chiếm đoạt diện tích đất 30.758 m^2 của Công ty ĐT đều không có cơ sở.

Hồ sơ thể hiện có 02 loại hợp đồng gồm hợp đồng mua đất mặt do Phạm Văn D ký và Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất (bán đứt) do Nguyễn Thành L ký. Theo các tài liệu xác minh, điều tra lại thì xác định Công ty chỉ mua đất mặt và lời khai của những người bán đất đều thể hiện không có việc L trả thêm tiền cho người dân bán đất để ký lại hợp đồng chuyển nhượng đất.

Theo lời khai của ông Trần Văn T10 – nguyên chủ tịch xã T8 xác định tại thời điểm đó nhà nước không quy định việc xác nhận mua đất mặt (BL 4567). Thực tế, trước đây Công ty cũng đã từng gặp trường hợp chủ trương chỉ mua đất mặt nhưng các hộ dân không đồng ý nên Ban Giám đốc công ty phải nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này, cụ thể là trường hợp của ông Dương Minh Nh khi mua đất thi công tuyến đường ĐT848. Việc các hộ ông C2, ông Đ1 và ông S1 không đồng ý chỉ bán đất mặt, L đã thông báo lại với Ban giám đốc

tại cuộc họp giao ban, chính ông Phạm Văn D – Giám đốc Công ty cũng xác nhận điều này tại phiên tòa sơ thẩm (BL 4899) và tại phiên tòa phúc thẩm. Ông D cũng cho biết công ty chỉ mua đất mặt; như vậy, giá mua đất mặt từ 14.000đ/m^2 đến 15.000đ/m^2 L đã thông qua ban Giám đốc Công ty và được chấp thuận. Ông D cũng xác định người dân bán giá đất mặt hay bán đứt cũng cùng một giá (từ 14.000đ/m^2 đến 15.000đ/m^2) nhưng ông vẫn quyết định chỉ mua đất mặt vì không có nhu cầu sử dụng đất sau khi đã khai thác đất mặt (ao), và giá mua này vẫn đem lại lợi nhuận cho Công ty nên ông quyết định mua. Số tiền thanh toán 448.331.100 đồng L nhận từ Công ty và giao toàn bộ lại cho các hộ dân. Bản thân những người chuyển nhượng đất cho L cũng xác định mặc dù có ký hợp đồng chuyển nhượng nền đất cho L nhưng họ không nhận thêm khoản tiền nào khác (BL 4544-4552).

Theo Quyết định giám đốc thẩm cần làm rõ ý chí chủ quan của Ban Giám đốc biết hay không biết việc người dân bán đất với giá đất này là bán đất mặt hay là bán đứt và làm rõ chính sách quản lý đất đai của địa phương có cho phép người dân chuyển nhượng đất mặt hay không và thị trường có tồn tại loại đất mặt hay không. Từ đó, xác định hợp đồng nào là hợp đồng chính để có cơ sở vững chắc xác định Nguyễn Thành L có hành vi gian dối trong việc nâng giá đất, tham ô chiếm đoạt tài sản của Công ty ĐT hay không. Vấn đề này chưa được cấp sơ thẩm làm rõ.

Về tài sản chiếm đoạt, bản án sơ thẩm và phúc thẩm lần 1 xác định bị cáo chiếm đoạt tiền chênh lệch 167.394.750 đồng, quyết định giám đốc thẩm yêu cầu phải làm rõ thiệt hại này. Sau khi điều tra, xét xử lại Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Biên bản định giá số 46/HĐ.ĐGTS ngày 24/8/2016 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định khoản tiền chênh lệch khi L nâng giá đất là 184.554.000 đồng và tài sản L chiếm đoạt của Công ty là diện tích đất 30.759m^2. Hội đồng xét xử thấy:

Thứ nhất, Biên bản định giá số 46/HĐ.ĐGTS ngày 24/8/2016 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự lấy giá chuyển nhượng đất trồng cây hàng năm thực tế trên thị trường (14.000đ/m^2) trừ đi giá đất san lấp phổ biến (8.000đ/m^2) cùng tại thời điểm năm 2003 để tính ra giá trị phần đất còn lại 6.000đ/m^2 là không có căn cứ (BL 4518-4519). Muốn xác định giá trị đất còn lại sau khi đã khai thác lớp đất mặt thì cần phải định giá trực tiếp vào giá trị đất còn lại (căn cứ vào diện tích, công năng sử dụng đất), không thể lấy giá trị chuyển nhượng nguyên lô đất trừ đi giá trị phần đất đã bán để tính ra phần đất còn lại.

Thứ hai, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo L có hành vi gian dối nâng giá đất và tính ra số tiền chênh lệch khi nâng giá đất 184.554.000 đồng nhưng lại kết luận bị cáo chiếm đoạt quyền sử dụng diện tích đất 30.759m^2 là không có sự thống nhất giữa hành vi phạm tội và hậu quả xảy ra. Mặt khác, công ty xác định chỉ mua đất mặt, không nhận chuyển nhượng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông D xác định diện tích đất mà L chiếm đoạt không phải của công ty, hợp đồng ghi rõ trả lại cho dân, Công ty chỉ mua đất mặt (BL4902). Như vậy, quyền sử dụng đất này có thuộc sở hữu của công ty hay không, có phải là tài sản

nhà nước mà bị cáo L đã chiếm đoạt không. Quyết định giám đốc thẩm đã yêu cầu làm rõ vấn đề này nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ được.

[4] Từ những phân tích như đã nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cấp sơ thẩm còn thiếu sót trong việc điều tra thu thập chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thành L; cần phải làm rõ chứng cứ để chứng minh bị cáo có ý thức gian dối trong việc nâng khống giá mua đất mặt và tài sản bị cáo chiếm đoạt có phải là của nhà nước hay không, những vấn đề này cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

[5] Bị cáo Nguyễn Thành L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành L.

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2017/HSST ngày 24/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp điều tra lại theo thủ tục chung.

Bị cáo Nguyễn Thành L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đồng Tháp (1);
- VKSND tỉnh Đồng Tháp (1);
- Công an tỉnh Đồng Tháp (1);
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Tháp (1);
- Cục THA DS tỉnh Đồng Tháp (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (1);
- Bị cáo Nguyễn Thành L (1);
- Nhân chứng (10);
- NCQLNCLQ (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (3). 25b. (TPQ);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thủy